

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN VÀ CÔNG TY CON

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC
KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Việt An (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lưu Bách Thảo	Chủ tịch
Ông Diệp Vĩnh Xuân	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Thành viên
Bà Lê Thị Lệ Thủy	Thành viên
Bà Lê Thị Lài	Thành viên
Bà Phùng Hoàng Trâm Anh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lưu Bách Thảo	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Lài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Minh Giàu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Tuyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lê Đức Thịnh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2010)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC


Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,


Lưu Bách Thảo
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc
Ngày 9 tháng 4 năm 2011

Số: 339 /2011/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Việt An**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Việt An và công ty con (sau đây gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 21. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc, kiêm
Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 9 tháng 4 năm 2011
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Huỳnh Vũ Đại Trọng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1204/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN VÀ CÔNG TY CONQuốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.039.797.013.043	785.189.250.612
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	28.617.705.616	72.400.544.039
1. Tiền	111		12.904.145.616	27.400.544.039
2. Các khoản tương đương tiền			15.713.560.000	45.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	2.820.000.000	4.784.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		11.160.000.000	11.960.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(8.340.000.000)	(7.176.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		671.808.425.558	350.542.118.331
1. Phải thu khách hàng	131		556.241.104.768	266.874.762.279
2. Trả trước cho người bán	132		84.045.545.804	45.572.208.315
3. Các khoản phải thu khác	135		37.675.354.645	38.095.147.737
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi			(6.153.579.659)	-
IV. Hàng tồn kho	140	7	323.743.181.701	341.710.578.235
1. Hàng tồn kho	141		323.743.181.701	341.710.578.235
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.807.700.168	15.752.010.007
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.442.573.935	8.441.519.652
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.539.915.247	3.323.825.948
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.825.210.986	3.986.664.407
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		480.754.599.021	461.621.103.076
I. Tài sản cố định	220		437.603.145.294	402.406.756.544
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	354.828.065.987	119.230.231.659
- Nguyên giá	222		399.587.418.003	143.072.144.415
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(44.759.352.016)	(23.841.912.756)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	9	16.473.992.408	22.357.008.230
- Nguyên giá	225		25.378.844.400	34.937.439.689
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(8.904.851.992)	(12.580.431.459)
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	60.413.057.541	54.568.363.002
- Nguyên giá	228		62.556.483.577	55.996.800.941
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.143.426.036)	(1.428.437.939)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	5.888.029.358	206.251.153.653
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	28.291.543.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	-	28.291.543.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		43.151.453.727	30.922.803.532
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	27.960.745.383	15.988.079.652
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	673.383.344	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		14.517.325.000	14.934.723.880
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.520.551.612.064	1.246.810.353.688

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN VÀ CÔNG TY CONQuốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010		31/12/2009	
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.148.085.616.759		1.070.470.785.497	
I. Nợ ngắn hạn	310		1.036.666.795.640		912.174.582.046	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	825.045.543.477		692.515.422.234	
2. Phải trả người bán	312		139.899.659.400		166.642.541.166	
3. Người mua trả tiền trước	313		860.483.880		415.767.784	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	14.415.008.732		6.374.004.658	
5. Phải trả người lao động	315		15.377.992.219		10.336.799.816	
6. Chi phí phải trả	316		2.449.295.661		1.229.342.679	
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		38.618.812.271		34.660.703.709	
II. Nợ dài hạn	330		111.418.821.119		158.296.203.451	
1. Vay và nợ dài hạn	334	18	110.927.539.044		157.747.940.901	
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		491.282.075		548.262.550	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		356.801.203.362		176.339.568.191	
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	356.801.203.362		176.339.568.191	
1. Vốn điều lệ	411		225.000.000.000		100.000.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		75.000.000.000		12.500.038.413	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		381.298.636		381.298.636	
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-		(1.926.771.306)	
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		56.419.904.726		65.385.002.448	
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	20	15.664.791.943		-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.520.551.612.064		1.246.810.353.688	



Lưu Bách Thảo
Tổng Giám đốc
 Ngày 9 tháng 4 năm 2011

Ngô Văn Thu
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 02-DN/HN
 Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu gộp	01		1.595.170.436.291	1.229.856.692.721
2. Các khoản giảm trừ	02		(8.230.230.373)	(8.662.575.151)
3. Doanh thu thuần	10		1.586.940.205.918	1.221.194.117.570
4. Giá vốn hàng bán	11		(1.274.406.408.540)	(990.798.267.791)
5. Lợi nhuận gộp	20		312.533.797.378	230.395.849.779
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	48.330.899.210	7.574.153.117
7. Chi phí tài chính	22	22	(121.980.498.754)	(25.895.556.129)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>(49.772.830.038)</i>	<i>(21.051.918.361)</i>
8. Chi phí bán hàng	24		(114.482.855.708)	(98.010.949.866)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(34.619.354.554)	(20.113.116.957)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		89.781.987.572	93.950.379.944
11. Thu nhập khác	31		9.611.201.197	13.549.189.289
12. Chi phí khác	32		(9.656.280.362)	(13.613.309.413)
13. Lỗ khác	40	23	(45.079.165)	(64.120.124)
14. Lỗ từ công ty liên kết	45		-	(11.048.457.000)
15. Lợi nhuận trước thuế	50		89.736.908.407	82.837.802.820
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	(9.455.595.082)	(7.964.155.191)
17. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	52	15	673.383.344	-
18. Lợi nhuận sau thuế	60		80.954.696.669	74.873.647.629
<i>Phân bổ cho:</i>				
18.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số			(15.208.057)	-
18.2. Cổ đông của Công ty			80.939.488.612	74.873.647.629
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	3.500	7.487



Lưu Bách Thảo
Tổng Giám đốc
 Ngày 9 tháng 4 năm 2011

Ngô Văn Thu
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN VÀ CÔNG TY CONQuốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	89.736.908.407	82.837.802.820
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	17.956.847.890	13.787.128.178
Các khoản dự phòng	03	(3.730.877.341)	8.864.457.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(2.474.018.017)	(686.836.427)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.585.834.001)	(2.052.096.929)
Chi phí lãi vay	06	49.772.830.038	21.051.918.361
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	149.675.856.976	123.802.373.003
Tăng các khoản phải thu	09	(332.734.566.255)	(146.847.659.374)
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	19.159.993.624	(133.652.342.567)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11	(8.846.204.359)	56.769.533.134
Tăng chi phí trả trước	12	(7.891.776.451)	(9.518.810.154)
Tiền lãi vay đã trả	13	(47.891.494.377)	(34.159.594.804)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.248.811.330)	(1.974.569.176)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	7.268.007.089
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(229.777.002.172)	(138.313.062.849)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	(48.571.833.718)	(109.704.231.108)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	3.420.178.577
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty khác	25	-	(31.045.518.380)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	40.140.000.000	-
5. Thu lãi tiền gửi	27	1.065.736.808	2.052.524.627
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.366.096.910)	(135.277.046.284)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Vốn góp của các cổ đông	31	105.000.000.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.510.975.330.945	2.230.726.731.207
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.410.372.282.048)	(1.901.692.920.284)
4. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(6.198.224.804)	(6.522.657.407)
5. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(7.435.040.861)	(9.999.996.308)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	191.969.783.232	312.511.157.208
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm	50	(45.173.315.850)	38.921.048.075
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	72.400.544.039	33.768.760.407
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	1.390.477.427	(289.264.443)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	28.617.705.616	72.400.544.039

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác không bao gồm 6.855.943.575 đồng (năm 2009: 12.360.642.228 đồng) là giá trị tài sản cố định mua sắm trong năm nhưng chưa thanh toán. Theo đó, các khoản tiền tương ứng nêu trên cũng được điều chỉnh vào tài khoản phải trả.

Tiền thu vốn góp của các cổ đông trong năm không bao gồm số tiền 95 tỷ đồng là khoản vốn góp từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu và thặng dư vốn cổ phần với số tiền lần lượt là 82,5 tỷ đồng và 12,5 tỷ đồng. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến dòng tiền lưu chuyển nên không được trình bày trong báo cáo trên



Lưu Bách Thảo
Tổng Giám đốc
 Ngày 9 tháng 4 năm 2011

Ngô Văn Thu
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN VÀ CÔNG TY CON

Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Việt An (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và công ty con, cụ thể như sau:

Công ty mẹ

Công ty mẹ được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần với thời gian hoạt động là 50 năm theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000060 ngày 27 tháng 1 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Việt An, một công ty trách nhiệm hữu hạn theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5002000307 ngày 22 tháng 7 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 23 tháng 11 năm 2010 với mã chứng khoán là AVF.

Trụ sở nhà máy của Công ty mẹ đặt tại Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là chế biến các sản phẩm thủy sản với sản phẩm chính là cá tra fi lê.

Công ty con

Công ty Cổ phần Anpha-AG (sau đây gọi tắt là “Anpha-AG”) là công ty cổ phần thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1100798779 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 22 tháng 1 năm 2010. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Anpha-AG theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 50221000036 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Long an cấp ngày 7 tháng 12 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận đầu tư được điều chỉnh. Trụ sở và nhà máy của Công ty con đặt tại Lô E02, Đường số 2, Khu Công nghiệp Long Hậu, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An. Hoạt động chính của Công ty con là kinh doanh kho lạnh, mua bán thực phẩm và vận tải hàng hóa.

Quyền sở hữu của Công ty và vốn điều lệ cùng tình hình góp vốn của Công ty con được trình bày cụ thể tại Thuyết minh số 12 của phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 2.486 người (năm 2009: 2.428 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu doanh nghiệp trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty mẹ kiểm soát được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	8 - 20
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Thiết bị văn phòng	5
Phương tiện vận tải	10

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao dựa trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như các tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN VÀ CÔNG TY CON

Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao theo các quy định hiện hành.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong năm năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN VÀ CÔNG TY CON

Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng phương pháp hạch toán chênh lệch tỷ giá theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN VÀ CÔNG TY CONQuốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

ngiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được phân phối cho các cổ đông sau khi đã được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội cổ đông thường niên và sau khi trích lập quỹ dự trữ theo điều lệ của Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	7.973.055.392	12.627.344.405
Tiền gửi ngân hàng	4.931.090.224	14.773.199.634
Các khoản tương đương tiền	15.713.560.000	45.000.000.000
	<u>28.617.705.616</u>	<u>72.400.544.039</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn với thời gian đáo hạn là 3 tháng và lãi suất hàng năm được hưởng từ 11% đến 12%.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chứng khoán niêm yết	11.160.000.000	11.160.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	<u>11.160.000.000</u> (8.340.000.000)	<u>11.960.000.000</u> (7.176.000.000)
	<u>2.820.000.000</u>	<u>4.784.000.000</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.174.356.632	1.290.835.584
Công cụ, dụng cụ	24.790.923.776	8.500.400.927
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	54.747.397.832	37.669.275.845
Thành phẩm	232.804.729.038	289.684.223.816
Hàng hóa	732.196.723	732.196.723
Hàng gửi đi bán	9.493.577.700	3.833.645.340
	<u>323.743.181.701</u>	<u>341.710.578.235</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, một phần hàng tồn kho đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN VÀ CÔNG TY CONQuốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2010	68.915.001.442	60.468.144.414	4.896.625.741	8.792.372.818	143.072.144.415
Tăng	-	8.217.866.343	1.063.451.718	2.545.000.000	11.826.318.061
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	134.061.132.442	87.071.620.276	81.269.909	10.460.421.611	231.674.444.238
Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	13.014.511.289	-	-	13.014.511.289
Tại ngày 31/12/2010	<u>202.976.133.884</u>	<u>168.772.142.32</u>	<u>6.041.347.368</u>	<u>21.797.794.429</u>	<u>399.587.418.003</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2010	9.028.480.766	11.226.872.724	1.640.540.707	1.946.018.559	23.841.912.756
Khấu hao trong năm	3.761.411.062	7.935.098.221	290.618.775	2.133.258.432	14.120.386.490
Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	6.886.990.570	-	-	6.886.990.570
Điều chỉnh khác	-	-	(89.937.800)	-	(89.937.800)
Tại ngày 31/12/2010	<u>12.789.891.828</u>	<u>26.048.961.515</u>	<u>1.841.221.682</u>	<u>4.079.276.991</u>	<u>44.759.352.016</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2010	<u>190.186.242.056</u>	<u>142.723.180.80</u>	<u>4.200.125.686</u>	<u>17.718.517.438</u>	<u>354.828.065.987</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>59.886.520.676</u>	<u>49.241.271.690</u>	<u>3.256.085.034</u>	<u>6.846.354.259</u>	<u>119.230.231.659</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 16 và 18, Công ty đã thế toàn bộ nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 256.671.685.132 đồng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2010	33.791.208.413	1.146.231.276	34.937.439.689
Tăng	3.455.916.000	-	3.455.916.000
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(13.014.511.289)	-	(13.014.511.289)
Tại ngày 31/12/2010	<u>24.232.613.124</u>	<u>1.146.231.276</u>	<u>25.378.844.400</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2010	12.409.737.100	170.694.359	12.580.431.459
Khấu hao trong năm	3.020.372.567	191.038.536	3.211.411.103
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(6.886.990.570)	-	(6.886.990.570)
Tại ngày 31/12/2010	<u>8.543.119.097</u>	<u>361.732.895</u>	<u>8.904.851.992</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2010	<u>15.689.494.027</u>	<u>784.498.381</u>	<u>16.473.992.408</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>21.381.471.313</u>	<u>975.536.917</u>	<u>22.357.008.230</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN VÀ CÔNG TY CONQuốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VNĐ	Quyền sử dụng đất VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2010	135.124.200	55.861.676.741	55.996.800.941
Tăng	85.320.000	-	85.320.000
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	6.474.362.636	6.474.362.636
Tại ngày 31/12/2010	<u>220.444.200</u>	<u>62.336.039.377</u>	<u>62.556.483.577</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2010	-	1.428.437.939	1.428.437.939
Khấu hao trong năm	6.358.511	708.629.586	714.988.097
Tại ngày 31/12/2010	<u>6.358.511</u>	<u>2.137.067.525</u>	<u>2.143.426.036</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2010	<u>214.085.689</u>	<u>60.198.971.852</u>	<u>60.413.057.541</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>135.124.200</u>	<u>54.433.238.802</u>	<u>54.568.363.002</u>

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	206.251.153.653	118.031.519.675
Tăng	40.060.223.232	111.131.338.233
Kết chuyển vào tài sản cố định hữu hình	(231.674.444.238)	(17.861.794.256)
Kết chuyển vào tài sản cố định vô hình	(6.474.362.636)	-
Kết chuyển vào tài sản cố định thuê tài chính	-	(1.146.231.276)
Kết chuyển vào chi phí trả trước ngắn hạn	(1.081.943.563)	(3.903.678.723)
Kết chuyển vào công cụ dụng cụ	(1.192.597.090)	-
Tại ngày 31 tháng 12	<u>5.888.029.358</u>	<u>206.251.153.653</u>

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Anpha-AG	Long An	51	51	Kinh doanh kho lạnh

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Anpha-AG ("Công ty con"), một công ty cổ phần ở tỉnh Long An với vốn góp là 20.400.000.000 đồng, chiếm tỉ lệ 56,5% (năm 2009: 36.000.000.000 đồng, chiếm tỉ lệ 90%) quyền sở hữu và tương ứng với quyền biểu quyết tại Công ty con. Công ty con hiện đã hoàn tất xây dựng cơ bản và đi vào hoạt động chính thức vào tháng 11 năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN VÀ CÔNG TY CONQuốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu AFASCO (“Công ty liên kết”) ở tỉnh An Giang với vốn góp là 39.340.000.000 đồng, chiếm 48% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tại Công ty liên kết. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, giá trị thuần của khoản đầu tư còn lại là 28.291.543.000 đồng. Trong năm 2010, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư này.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	15.988.079.652	8.495.098.279
Tăng	24.232.587.135	18.054.820.133
Phân bổ vào chi phí trong năm	(11.581.043.342)	(10.561.838.760)
Giảm khác	(678.878.062)	-
Tại ngày 31 tháng 12	<u>27.960.745.383</u>	<u>15.988.079.652</u>

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm.

	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ
Tại ngày 1/1/2010	-
Ghi nhận vào lợi nhuận trong năm	673.383.344
Tại ngày 31/12/2010	<u>673.383.344</u>

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Vay ngắn hạn	775.524.576.754	676.038.734.933
Vay dài hạn đến hạn trả	42.538.682.389	9.401.126.361
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	6.982.284.334	7.075.560.940
	<u>825.045.543.477</u>	<u>692.515.422.234</u>

Các khoản vay ngắn hạn thể hiện các khoản tín dụng ngắn hạn bằng Đồng Việt Nam từ các ngân hàng thương mại trong nước với lãi suất vay được các ngân hàng công bố theo từng thời kỳ. Các khoản vay này được đảm bảo bằng quyền thu hồi nợ của các bộ chứng từ xuất khẩu, tài sản cố định, quyền sử dụng đất của Công ty mẹ và các tài sản cá nhân của ông Lưu Bách Thảo - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	-	5.256.497
Thuế xuất nhập khẩu	-	316.119.894
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.196.369.767	5.989.586.015
Các loại thuế khác	218.638.965	63.042.252
	<u>14.415.008.732</u>	<u>6.374.004.658</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN VÀ CÔNG TY CONQuốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Vay dài hạn	147.853.127.951	158.219.168.451
Nợ thuê tài chính dài hạn	12.595.377.816	16.005.459.751
	160.448.505.767	174.224.628.202
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả	(42.538.682.389)	(9.401.126.361)
Nợ dài hạn đến hạn trả	(6.982.284.334)	(7.075.560.940)
	110.927.539.044	157.747.940.901

Công ty mẹ đã ký một số hợp đồng vay dài hạn với các ngân hàng nhằm tài trợ cho việc xây dựng nhà xưởng và mua máy móc thiết bị. Các khoản vay bao gồm như sau:

Vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam gồm hai khoản vay có tổng hạn mức tín dụng là 15.000.000.000 đồng. Các khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay một tháng từ 0,95% đến 1% và được đảm bảo bằng chính nhà xưởng và máy móc hình thành từ các khoản vay này. Các khoản vay này được hoàn trả hàng quý bắt đầu từ tháng 6 năm 2005 đến tháng 6 năm 2011.

Vay dài hạn với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có hạn mức tín dụng là 3.000.000.000 đồng cho việc mua xe tải đông lạnh vận chuyển hàng hóa. Khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay một tháng bằng 1,5% và được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ khoản vay này. Khoản vay này được hoàn trả 6 tháng một lần bắt đầu từ tháng 12 năm 2008 đến tháng 5 năm 2013.

Ngoài ra, Công ty mẹ còn vay từ ông Trần Thanh Nguyên, một bên thứ ba, với số tiền 3.000.000.000 đồng với lãi suất lãi tiền vay một năm là 16,8%. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này không có bảo đảm và được hoàn trả trong vòng 2 năm kể từ ngày vay đầu tiên.

Công ty con đã ký một số hợp đồng vay dài hạn với các ngân hàng nhằm tài trợ cho việc xây dựng kho lạnh và mua máy móc thiết bị. Các khoản vay bao gồm như sau:

Vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam có hạn mức tín dụng là 890.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay hàng năm là 9,5% và được đảm bảo bằng chính kho lạnh và máy móc hình thành từ các khoản vay này. Khoản vay này được hoàn trả sáu tháng một lần và bắt đầu từ tháng 2 năm 2010 đến tháng 8 năm 2013.

Vay dài hạn với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam có hạn mức tín dụng là 85.000.000.000 đồng. Các khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay một năm là 11,4% và được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ khoản vay này. Khoản vay này được hoàn trả hàng tháng và bắt đầu từ tháng 11 năm 2009 đến tháng 12 năm 2014.

Vay dài hạn với Ngân hàng Liên doanh Shinhanvina có hạn mức tín dụng là 3.000.000 Đô la Mỹ cho việc thanh toán tiền mua sắm máy móc, thiết bị cho dự án kho lạnh. Khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay là lãi suất LIBOR 6 tháng cộng 3% và được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ khoản vay này. Khoản vay này được hoàn trả hàng quý và bắt đầu từ tháng 10 năm 2009 đến tháng 10 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN VÀ CÔNG TY CONQuốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Trong vòng một năm	42.538.682.389	9.401.126.361
Trong năm thứ hai	45.136.833.456	35.406.545.065
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	60.177.612.106	91.738.238.332
Sau năm năm	-	21.673.258.693
	147.853.127.951	158.219.168.451
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(42.538.682.389)	(9.401.126.361)
Số phải trả sau 12 tháng	105.314.445.562	148.818.042.090

Công ty mẹ đã ký hợp đồng thuê tài chính dài hạn với Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam để thuê một số phương tiện vận tải. Thời hạn thuê của các hợp đồng thông thường là sáu mươi (60) tháng. Các khoản thuê này chịu lãi suất lãi tiền vay một tháng bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng cộng 0,37%. Tiền nợ được thanh toán cố định và không có thỏa thuận nào cho các chi phí thuê tiềm tàng khác. Các khoản nợ thuê tài chính bằng đồng Việt Nam. Tài sản thuê tài chính được Công ty mẹ dùng để đảm bảo cho khoản nợ vay.

Công ty con đã ký hợp đồng thuê tài chính dài hạn với Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam để thuê một số phương tiện vận tải. Thời hạn thuê là bốn mươi lăm (45) tháng. Khoản thuê này chịu lãi suất lãi tiền vay một tháng bằng lãi suất cơ bản bằng đồng Việt nam do Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố cộng 0,3%. Tiền nợ được thanh toán cố định và không có thỏa thuận nào cho các chi phí thuê tiềm tàng khác. Các khoản nợ thuê tài chính bằng đồng Việt Nam. Tài sản thuê tài chính được Công ty con Anpha dùng để đảm bảo cho khoản nợ vay

Các khoản nợ dài hạn khác được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Giá trị tối thiểu của các khoản tiền thuê		Giá trị tối thiểu của các khoản tiền thuê hiện tại	
	31/12/2010	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Các khoản phải trả do thuê tài chính:				
Trong vòng một năm	6.896.841.278	7.398.774.878	6.982.284.334	7.075.560.940
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	6.653.686.882	9.507.331.538	5.613.093.482	8.929.898.811
	13.550.528.160	16.906.106.416	12.595.377.816	16.005.459.751
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai	(955.150.344)	(900.646.665)	-	-
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	12.595.377.816	16.005.459.751	12.595.377.816	16.005.459.751
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trong phần nợ ngắn hạn)	-	-	(6.982.284.334)	(7.075.560.940)
Số phải trả sau 12 tháng	-	-	5.613.093.482	8.929.898.811

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty mẹ như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
Số lượng cổ phần được phép phát hành	22.500.000	15.000.000
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	22.500.000	10.000.000
Mệnh giá cổ phần (VNĐ)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN VÀ CÔNG TY CONQuốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Công ty mẹ chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty mẹ. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty mẹ.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số lượng cổ phần và tỷ lệ nắm giữ tương ứng cùng tình hình góp vốn điều lệ của các cổ đông lớn như sau:

	Số lượng cổ phiếu và tỉ lệ nắm giữ		Vốn đã góp	
	31/12/2010	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009
	Cổ phiếu	%	Cổ phiếu	%
Ông Lưu Bách Thảo	3.000.000	13,33	5.480.000	54,80
Ông Daniel Yet	2.400.000	10,67	2.400.000	24,00
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.879.970	8,36	-	-
	7.279.970	32,36	7.800.000	78,80
			18.799.700.000	54.800.000.000
			24.000.000.000	24.000.000.000
			72.799.700.000	78.800.000.000

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Vốn khác của chủ sở hữu VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1/1/2009	100.000.000.000	12.500.038.413	381.298.636	-	511.351.127	113.392.688.176
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(1.926.771.306)	74.873.647.629	72.946.876.323
Cổ tức đã chia	-	-	-	-	(9.999.996.308)	(9.999.996.308)
Số dư tại ngày 1/1/210	100.000.000.000	12.500.038.413	381.298.636	(1.926.771.306)	65.385.002.448	176.339.568.191
Vốn góp từ cổ tức và thặng dư vốn cổ phần	95.000.000.000	(12.500.038.413)	-	-	(82.499.961.587)	-
Vốn góp bằng tiền	30.000.000.000	75.000.000.000	-	-	-	105.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	80.969.904.726	80.969.904.726
Cổ tức đã chia	-	-	-	-	(7.435.040.861)	(7.435.040.861)
Điều chỉnh khác	-	-	-	1.926.771.306	-	1.926.771.306
Số dư tại ngày 31/12/2010	225.000.000.000	75.000.000.000	381.298.636	-	56.419.904.726	356.801.203.362

Vào ngày 2 tháng 1 năm 2010, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức năm 2009 cho các cổ đông hiện hữu với số tiền là 7.499.961.587 đồng bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ và 7.435.040.861 bằng tiền mặt (năm 2009: 9.999.996.308 đồng bằng tiền mặt) từ lợi nhuận chưa phân phối. Ngoài ra, Công ty cũng kết chuyển phần thặng dư vốn cổ phần 12.500.038.413 đồng để tăng vốn, do đó vốn điều lệ của Công ty tăng tương ứng từ 100 tỷ lên 120 tỷ.

Trong năm, Công ty đã phát hành 3.000.000 cổ phần cho cổ đông bên ngoài với giá bán bình quân là 35.000 đồng một cổ phần để tăng vốn điều lệ của Công ty từ 120 tỷ lên 150 tỷ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 5 tháng 12 năm 2009.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 15 tháng 8 năm 2010 và theo Quyết định 06/2010/QĐ-HDQT Hội đồng Quản trị ngày 25 tháng 8 năm 2010, Công ty đã phát hành thêm 7.500.000 cổ phiếu phổ thông mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phiếu để chi trả cổ tức bổ sung năm 2009 với số tiền là 50 tỷ đồng và tạm ứng cổ tức năm 2010 với số tiền là 25 tỷ đồng để tăng vốn điều lệ của Công ty 150 tỷ lên 225 tỷ.

Trong năm, Công ty chưa thực hiện việc trích các quỹ theo điều lệ của Công ty. Số liệu chia cổ tức và trích các quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2010 sẽ được các cổ đông xem xét và phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN VÀ CÔNG TY CONQuốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***20. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	Công ty con Anpha-AG VNĐ
Tại ngày 31/12/2010	
Vốn góp của công ty con	36.080.000.000
Trong đó:	
Vốn phân bổ cho Công ty	20.400.000.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	15.680.000.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	43,46%
Lợi ích của cổ đông thiểu số:	

	Công ty con Anpha-AG VNĐ
Tại ngày 31/12/2010	
Vốn của cổ đông thiểu số	15.680.000.000
Lỗi lũy kế	(15.208.057)
	15.664.791.943

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm:

	Công ty con Anpha-AG VNĐ
Lỗ trong năm	(34.994.049)
Lỗ phân bổ cho cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	(15.208.057)

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lãi tiền gửi	1.585.834.001	1.616.270.763
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	32.210.390.192	3.773.882.354
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.474.018.017	-
Khác	12.060.657.000	2.184.000.000
	48.330.899.210	7.574.153.117

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lãi tiền vay	49.772.830.038	21.051.918.361
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	2.613.607.733
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	70.227.668.716	2.230.030.035
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.980.000.000	-
	121.980.498.754	25.895.556.129

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN VÀ CÔNG TY CONQuốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***23. LỖ KHÁC**

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	40.753.800	3.276.190.477
Bán bao bì và dụng cụ	8.822.899.747	8.948.504.439
Các khoản thu nhập khác	747.547.650	1.324.494.373
Thu nhập khác	9.611.201.197	13.549.189.289
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	(40.753.800)	(3.276.618.175)
Giá vốn bao bì và dụng cụ	(8.784.553.485)	(8.936.768.229)
Các khoản chi phí khác	(830.973.077)	(1.399.923.009)
Chi phí khác	(9.656.280.362)	(13.613.309.413)
Lỗ khác	(45.079.165)	(64.120.124)

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	89.736.908.407	82.837.802.820
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(2.087.405.245)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	7.082.711.355	4.177.972.248
Lỗ từ công ty con	34.994.049	-
Thu nhập chịu thuế	94.767.208.566	87.015.775.068
<i>Trong đó: Thu nhập chịu thuế của hoạt động chính</i>	<i>86.070.557.106</i>	<i>87.015.775.068</i>
<i>Thu nhập chịu thuế của hoạt động khác</i>	<i>8.696.651.460</i>	<i>-</i>
Thuế suất áp dụng cho hoạt động chính	10%	10%
Thuế suất áp dụng cho hoạt động khác	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.781.218.576	8.701.577.507
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(1.325.623.494)	(2.711.991.492)
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung các năm trước	-	1.974.569.176
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.455.595.082	7.964.155.191

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập chịu thuế cho 10 năm đầu tiên kể từ ngày đăng ký kinh doanh và 25% cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2006 và 2007 là hai năm được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp) và được giảm 50% cho 5 năm tiếp theo (bắt đầu từ năm 2008). Ngoài ra, Công ty mẹ còn được giảm 20% thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần thu nhập chịu thuế từ hoạt động xuất khẩu có doanh thu đạt tỷ trọng trên 50% tổng doanh thu

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận sau thuế	80.939.488.612	74.873.647.629
Trừ: Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(2.474.018.017)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(673.383.344)	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	77.792.087.251	74.873.647.629
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	22.228.767	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.500	7.487

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN VÀ CÔNG TY CONQuốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty mẹ có các cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Trong vòng một năm	46.801.584	39.001.320
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	140.404.752	140.404.752
Sau năm năm	1.973.466.792	2.160.673.128
	<u>2.160.673.128</u>	<u>2.340.079.200</u>

Thuê hoạt động thể hiện tiền thuê đất tại phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang trong 50 năm tính từ tháng 3 năm 2005. Công ty mẹ được miễn tiền thuê đất trong 6 năm kể từ ngày 17 tháng 3 năm 2005.

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan như sau:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Mua hàng		
Công ty liên kết		<u>171.750.720.983</u>
Các nghiệp vụ khác		
Góp vốn vào Công ty liên kết	-	39.340.000.000
Rút vốn từ Công ty liên kết	39.340.000.000	-
Hoàn trả tiền vay cho các cổ đông chính	-	<u>55.570.820.000</u>

Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:


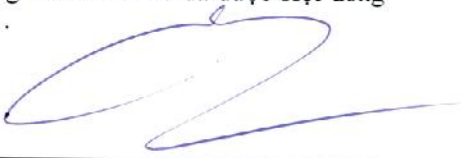
	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lương và thưởng	<u>1.113.982.829</u>	<u>1.064.317.846</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Các khoản phải trả		
Công ty liên kết	-	<u>36.388.904.586</u>

28. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 9 tháng 4 năm 2011.


Lưu Bách Thảo
Tổng Giám đốc
Ngày 9 tháng 4 năm 2011
Ngô Văn Thu
Kế toán trưởng